

Số: 1236/QĐ-VSDTTU

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định Nâng bậc lương đối với viên chức và
hợp đồng một số loại công việc của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-BYT ngày 23/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 134-NĐ/ĐU ngày 19/12/2024 của Đảng ủy Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Nâng bậc lương đối với viên chức và hợp đồng một số loại công việc của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông, bà: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Hành chính - Vật tư, Trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc Viện và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN
VỆ SINH DỊCH TỄ
TRUNG ƯƠNG
Phan Trọng Lân



VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

**QUY ĐỊNH NÂNG BẬC LƯƠNG
ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG
MỘT SỐ LOẠI CÔNG VIỆC CỦA
VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG**

Mã số: **QL02-QĐ04**

Lần ban hành: **5.24**

Ngày hiệu lực: **19/12/2024**

Tổng số trang: **08**

VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

TÀI LIỆU KIỂM SOÁT

	Họ tên	Ký tên	Ngày
Sửa đổi	Phòng Tổ chức cán bộ Lê Trần Lan Phương Phạm Văn Tiến Nguyễn Thị Mỹ Hà Nguyễn Văn Đình Đình Thúy Hiền		05/12/2024
	Phòng Tài chính - Kế toán Nguyễn Thị Thanh Ngân		
	Trung tâm Ứng dụng KHCNYS Nguyễn Vân Anh		
Xem xét	Phòng Tổ chức cán bộ Nguyễn Thị Thu Hà		16/12/2024
	Trung tâm ĐBCLXN và KC Trần Diệu Linh		
	Phó Viện trưởng Cao Ngọc Ánh		
Phê duyệt	Viện trưởng Phan Trọng Lân		19/12/2024

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Ngày hiệu lực	Lần ban hành	Nội dung sửa đổi	Vị trí sửa đổi
24/10/2014	1.14	Ban hành lần đầu	



**Quy chế Nâng bậc lương thường xuyên
và nâng bậc lương trước thời hạn với công chức,
viên chức Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương**

Mã số: **QL02-QC04**

Ngày ban hành: **19/12/2024**

01/01/2017	2.16	Sửa đổi, bổ sung một số quy định	
10/09/2020	3.20	Cập nhật toàn bộ nội dung quy chế	Toàn bộ nội dung quy chế
01/12/2022	4.22	Cập nhật toàn bộ nội dung quy chế	Toàn bộ nội dung quy chế
19/12/2024	5.24	Sửa đổi, bổ sung một số quy định	- Các Điều: 2, 4, 6, 9, 10, 13, 14, 15, 17. - Phụ lục 01.



QUY ĐỊNH

Nâng bậc lương đối với viên chức và hợp đồng một số loại công việc của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1236/QĐ-VSDTTU)

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu; đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn và tỷ lệ nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

2. Quy định về thời gian, trình tự xét nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức xếp lương theo bảng lương chuyên gia cao cấp; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với viên chức; bảng lương nhân viên thừa hành, phục vụ.

2. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

Chương II

CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN

Điều 3. Điều kiện về thời gian giữ bậc để xét nâng bậc lương thường xuyên

1. Đối với chức danh chuyên gia cao cấp: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong bảng lương chuyên gia cao cấp, thì sau 5 năm (đủ 60 tháng) giữ bậc lương trong bảng lương chuyên gia cao cấp được xét nâng một bậc lương.

2. Đối với các chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong chức danh nghề nghiệp, thì sau 3 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được



xét nâng một bậc lương.

3. Đối với các chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống và nhân viên thừa hành, phục vụ: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong chức danh nghề nghiệp, thì sau 02 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được xét nâng một bậc lương.

Điều 4. Thời gian được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên

1. Thời gian viên chức làm việc hưởng lương theo quy định của pháp luật.
2. Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động.
3. Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.
4. Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.
5. Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định của Chính phủ) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.
6. Thời gian tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự.

Điều 5. Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên

1. Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương.
2. Thời gian tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự).
3. Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định.
4. Thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành của pháp luật.
5. Thời gian đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.
6. Thời gian thử thách bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.
7. Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam và các loại thời gian



không làm việc khác ngoài quy định tại Điều 4 Quy định này.

8. Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên quy định tại Điều này (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng.

Điều 6. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên

Đối tượng được quy định tại Điều 2 Quy định này có đủ điều kiện về thời gian giữ bậc lương trong chức danh nghề nghiệp quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương hiện hưởng thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

1. Tiêu chuẩn 1: Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

2. Tiêu chuẩn 2: Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

Điều 7. Thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên

Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng, nếu viên chức đã có thông báo hoặc quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền là không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức thì bị kéo dài thời gian tính nâng bậc lương thường xuyên so với thời gian quy định tại Điều 3 Quy định này như sau:

1. Kéo dài 12 tháng (một năm) đối với trường hợp viên chức bị kỷ luật cách chức.

2. Kéo dài 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp:

a) Viên chức bị kỷ luật cảnh cáo.

b) Viên chức được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm; trường hợp trong thời gian giữ bậc lương có 02 năm không liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao bị kéo dài 06 (sáu) tháng.

3. Kéo dài 03 (ba) tháng đối với viên chức bị kỷ luật khiển trách.

4. Trường hợp vừa bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn



thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng 1 hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng quy định tại điểm 1,2 và 3 Điều này.

6. Trường hợp viên chức là đảng viên bị kỷ luật Đảng: nếu đã có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật hành chính; nếu không có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật Đảng tương ứng với các hình thức xử lý kỷ luật hành chính quy định tại Điều này.

Chương III

CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 8. Điều kiện xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc

1. Đạt tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận bằng văn bản.

3. Chưa xếp bậc lương cuối cùng trong chức danh nghề nghiệp và tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên.

Điều 9. Tỷ lệ nâng bậc lương trước thời hạn

Tỷ lệ viên chức, người lao động được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong một năm không quá 10% tổng số viên chức, người lao động trong danh sách trả lương thực tế từ nguồn ngân sách nhà nước tính đến hết ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.



Điều 10. Cách tính số người thuộc tỷ lệ được nâng bậc lương trước thời hạn

1. Khi số lượng viên chức, người lao động được khen thưởng lớn hơn tỷ lệ 10% tổng số viên chức, người lao động thuộc danh sách trả lương thì Hội đồng lương của Viện căn cứ vào điểm quy đổi và thành tích để xét chọn đủ số người được nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Căn cứ vào điểm quy đổi và thành tích đạt được, Hội đồng lương của Viện xem xét nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng cho viên chức, người lao động nếu chưa hết chỉ tiêu sẽ xét nâng bậc lương trước thời hạn 09 tháng, trường hợp xét nâng bậc lương trước thời hạn 09 tháng vẫn còn chỉ tiêu thì mới xét nâng bậc lương trước thời hạn 06 tháng.

Điều 11. Số lần được nâng bậc lương trước thời hạn

Không thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức.

Điều 12. Xác định thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn

1. Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoảng thời gian 6 năm gần nhất đối với các chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên và 4 năm gần nhất đối với các chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Trường hợp đã được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc thì tất cả các thành tích đạt được trước ngày có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn trong khoảng thời gian (6 năm và 4 năm) quy định tại Khoản 1 Điều này không được tính để xét nâng bậc lương trước thời hạn cho lần sau.

3. Việc xét nâng bậc lương trước thời hạn được căn cứ vào điểm quy đổi và thành tích của viên chức (Phụ lục 01). Nếu điểm quy đổi bằng nhau thì thực hiện ưu tiên theo tiêu chí: (1) thành tích cao nhất, xét theo cấp ban hành quyết định, (2) quá trình công tác, (3) số lần đã được nâng bậc lương trước thời hạn, (4) mức độ cống hiến...

Điều 13. Tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng

Viên chức được xét nâng lương trước thời hạn 12 tháng khi đạt được một



trong các danh hiệu cao quý, giải thưởng, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc điểm quy đổi (theo Phụ lục 01 kèm theo Quy định này) có tổng điểm đạt từ 3,0 điểm trở lên.

Điều 14. Tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn 9 tháng

Viên chức được xét nâng lương trước thời hạn 09 tháng khi đạt một trong các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc điểm quy đổi (theo Phụ lục 01 kèm theo Quy định này) có tổng điểm đạt từ 2 điểm đến 2,5 điểm.

Điều 15. Tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn 6 tháng

Viên chức được xét nâng lương trước thời hạn 06 tháng khi được Viện trưởng tặng Giấy khen hoặc có điểm quy đổi (theo Phụ lục 01 kèm theo Quy định này) có tổng điểm đạt từ 0,5 điểm đến 1,5 điểm.

Chương IV

**CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN
ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC ĐÃ CÓ THÔNG BÁO NGHỈ HƯU**

Điều 16. Tiêu chuẩn

1. Viên chức đã có thông báo nghỉ hưu nêu trong thời gian giữ bậc lương hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật, chưa xếp bậc lương cuối cùng trong chức danh nghề nghiệp và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được nâng một bậc lương trước thời hạn 12 tháng so với thời gian quy định tại Điều 3 Quy định này.

2. Trường hợp viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và có thông báo nghỉ hưu, thì được thực hiện một chế độ nâng lương trước thời hạn có lợi nhất trong hai chế độ nâng bậc lương trước thời hạn.

Chương V

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG
THƯỜNG XUYÊN VÀ NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN**

Điều 17. Thời gian xét nâng bậc lương

1. Chế độ nâng bậc lương được tổ chức xét 02 lần/01 năm, cụ thể:

a) Lần 1 vào tháng 3 (áp dụng cho trường hợp đủ điều kiện xét nâng bậc



lương thường xuyên từ tháng 1 đến tháng 6 của năm).

b) Lần 2 vào tháng 9 (áp dụng cho trường hợp đủ điều kiện xét nâng bậc lương thường xuyên từ tháng 7 đến tháng 12 của năm và các trường hợp đủ điều kiện xét nâng bậc lương trước thời hạn của năm xét nâng bậc lương).

2. Chế độ xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức đã có thông báo nghỉ hưu được thực hiện ngay sau thời điểm có thông báo nghỉ hưu.

3. Chế độ xét nâng bậc lương (đột xuất) để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, chuyển công tác, thôi việc... được thực hiện cùng với việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, chuyển công tác, thôi việc...

Điều 18. Trình tự xét nâng bậc lương

1. Trên cơ sở thông báo của Viện, các đơn vị lập danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên hàng năm và nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ gửi về Phòng Tổ chức cán bộ để tổng hợp. Kết quả tổng hợp được thông qua Hội đồng xét nâng bậc lương.

2. Trường hợp đủ điều kiện nâng bậc lương đối với viên chức đã có thông báo nghỉ hưu hoặc để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, chuyển công tác, thôi việc... thì Phòng Tổ chức cán bộ báo cáo Hội đồng lương trước khi trình Viện trưởng quyết định.

Điều 19. Hội đồng xét nâng bậc lương

Hội đồng xét nâng bậc lương của Viện bao gồm Lãnh đạo Viện, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và chuyên viên phụ trách tiền lương của Phòng Tổ chức cán bộ, thành viên khác (nếu có) do Viện trưởng chỉ định.

Điều 20. Thông báo kết quả nâng bậc lương

Danh sách viên chức được nâng bậc lương (nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ) của Viện được thông báo công khai trên website và bảng tin trong thời gian 05 ngày làm việc trước khi Viện trưởng ký quyết định ban hành hoặc trình Bộ Y tế quyết định theo quy định (Phụ lục 02).



Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện Quy định

1. Quy định này có 4 Chương, 22 Điều và 01 Phụ lục, 02 Biểu mẫu đi kèm được thông qua toàn thể viên chức của Viện.
2. Lãnh đạo các đơn vị thuộc Viện phổ biến và tổ chức thực hiện Quy định này trong phạm vi đơn vị.
3. Phòng Tổ chức cán bộ giúp Viện trưởng đôn đốc, theo dõi tình hình thực hiện Quy định.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị thuộc Viện có trách nhiệm phản ánh bằng văn bản (qua Phòng Tổ chức cán bộ) để trình Lãnh đạo Viện xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Viện và các quy định của pháp luật. *pv w*

VIỆN TRƯỞNG *[Signature]*
**VIỆN
VỆ SINH DỊCH TỄ
TRUNG ƯƠNG**
Phan Trọng Lân



PHỤ LỤC 01
CÁCH QUY ĐỔI THÀNH TÍCH SANG ĐIỂM SỐ

Stt	Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, giải thưởng	Số điểm quy đổi
1.	Anh hùng Lao động	10,0
2.	Giải thưởng Hồ Chí Minh	9,5
3.	Giải thưởng Nhà nước	9,0
4.	Huân chương Độc lập hạng Nhất	8,5
5.	Huân chương Độc lập hạng Nhì	8,0
6.	Huân chương Độc lập hạng ba	7,5
7.	Thầy thuốc nhân dân hoặc Nhà giáo nhân dân	7,5
8.	Huân chương Lao động hạng Nhất	7,0
9.	Huân chương Lao động hạng Nhì	6,5
10.	Huân chương Lao động hạng ba	6,0
11.	Thầy thuốc ưu tú hoặc Nhà giáo ưu tú	5,5
12.	Chiến sĩ thi đua toàn quốc	5,5
13.	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	5,0
14.	Giải thưởng Trần Đại Nghĩa, Đặng Văn Ngữ, Tạ Quang Bửu và tương đương	4,5
15.	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	4,5
16.	Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và tương đương	4



**Quy định Nâng bậc lương đối với viên chức
và hợp đồng một số loại công việc
của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương**

Mã số: **QL02-QĐ04**
Ngày hiệu lực: 19/12/2024

Stt	Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, giải thưởng	Số điểm quy đổi
17.	Bằng khen Công đoàn Y tế Việt Nam và tương đương; Kỷ niệm chương của bộ, ngành đoàn thể trung ương; Huy chương các loại	1,5
18.	Chiến sĩ thi đua cơ sở	1,5
19.	Giấy khen Viện trưởng và tương đương	1,0
20.	Giấy khen Chủ tịch Công đoàn Viện và tương đương	0,5

Ghi chú: Đối với các thành tích mà chưa quy định cách quy đổi ra điểm số theo Phụ lục này thì Hội đồng xét nâng bậc lương hàng năm của Viện xem xét, quyết định và bổ sung vào Quy chế.

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NĐ
111/2022/NĐ-CP ĐỦ TIÊU CHUẨN NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG
XUYỀN NĂM**

Đơn vị:.....

STT	Họ và tên	Mã chức danh nghề nghiệp	Lương hiện hưởng		Lương đề nghị xét hưởng năm		Ghi chú
			Hệ số và % vượt khung (nếu có)	Thời gian hưởng lương	Hệ số và % vượt khung (nếu có)	Thời gian nâng bậc lương	
1.							
2.							
3.							
4.							
5.							
6.							
7.							
8.							
...							

Hà Nội, ngày tháng..... năm...
TRƯỞNG PHÒNG, KHOA, TRUNG TÂM
(ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NĐ
111/2022/NĐ-CP ĐỦ TIÊU CHUẨN NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN
DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM**

.....

Đơn vị:

Stt	Họ và tên	Mã số chức danh nghề nghiệp	Lương hiện hưởng		Thành tích		Số điểm quy đổi
			Hệ số	Thời gian hưởng	Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng	Số Quyết định và ngày ban hành	
1.							
2.							
3.							
4.							
5.							
...							

Hà Nội, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG, KHOA, TRUNG TÂM
(ký và ghi rõ họ tên)